

Thứ năm, ngày 13 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Duy trì đà tăng, hướng tới mốc 860 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/8/2020		•	
Tuần 10/8-14/8/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: VNIndex tiếp tục tăng từ đầu phiên sáng và đóng cửa tại mức 855.05 điểm. Dòng tiền đầu tư duy trì trạng thái tích cực khi có tới 17/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã có phiên tiếp tục bán ròng trên sàn cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường không thay đổi nhiều so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy tâm lý giao dịch lạc quan đang được duy trì khá tốt. Theo đánh giá của chúng tôi, việc chỉ số VNIndex tăng vượt lên trên các đường EMA12, EMA26, đồng thời đa số các chỉ báo đều tích cực, có khả năng VNIndex sẽ tiếp tục tăng và tiến tới kiểm tra mức kháng cự tại 860 điểm.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/8/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.9%

Phân tích kỹ thuật: PLX_Đà tăng ngắn hạn (Trang 3)

- Điểm nhấn**
- VN-Index **+8.13** điểm, đóng cửa **855.05**. HNX-Index **+0.77** điểm, đóng cửa **116.87**.
 - Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.96); GAS (+0.77); SAB (+0.76); VIC (+0.58); BID (+0.52)**.
 - Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.11); NVL (-0.08); DAT (-0.08); EIB (-0.07); VGC (-0.05)**.
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,913** tỷ đồng, **+1.93%** so với phiên hôm trước.
 - Biên độ dao động là 5.33 điểm. Thị trường có **294** mã tăng, 58 mã tham chiếu và **95** mã giảm.
 - Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-129.25** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-108.8 tỷ), DXG (-21.8 tỷ) và MSN (-11.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-23.99** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **855.05**
Giá trị: 3913.65 tỷ **8.13 (0.96%)**
Khối ngoại (ròng): -129.25 tỷ

HNX-INDEX **116.87**
Giá trị: 392.01 tỷ **0.77 (0.66%)**
Khối ngoại (ròng): -23.99 tỷ

UPCOM-INDEX **56.86**
Giá trị: 0.26 tỷ **0.08 (0.14%)**
Khối ngoại (ròng): -19.33 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	42.8	0.33%
Giá vàng	1,935	0.98%
Tỷ giá USD/VND	23,176	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,413	0.61%
Tỷ giá JPY/VND	21,715	0.19%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	23.95%
LS TPCP 5 năm	1.8%	2.15%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	44.9	VHM	-108.8
HPG	12.2	DXG	-21.8
DHC	7.7	MSN	-11.5
GAS	5.7	VRE	-10.1
DPM	5.4	HBC	-9.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Xây dựng	1.9%	3.1%	12.2%	9.5%	9.5%	1.2%	33.6%
Đầu tư công	1.9%	3.3%	12.9%	9.6%	9.6%	3.4%	34.0%
Chiến tranh thương mại	1.7%	2.9%	10.4%	6.2%	6.2%	-8.2%	33.7%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.7%	3.2%	9.9%	8.7%	8.7%	-3.8%	27.6%
Corona Avengers	1.5%	3.7%	12.5%	6.1%	6.1%	2.2%	40.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.4%	2.1%	9.3%	4.3%	4.3%	-16.3%	36.0%
Lãi suất giảm	1.4%	1.7%	10.9%	6.9%	6.9%	3.6%	35.5%
Hàng tiêu dùng	1.3%	1.5%	8.1%	3.1%	3.1%	-5.4%	32.4%
Nước & Năng lượng	1.3%	2.4%	7.6%	8.4%	8.4%	-2.5%	28.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.2%	2.7%	8.7%	4.7%	4.7%	-11.5%	33.1%
VN Diamond	1.2%	2.9%	7.2%	2.3%	2.3%	-15.9%	34.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.1%	1.9%	8.4%	5.9%	5.9%	-5.9%	30.4%
Vật liệu Xây dựng	0.9%	0.7%	9.1%	6.1%	6.1%	3.6%	31.3%
Ngân Hàng	0.8%	4.2%	10.4%	7.3%	7.3%	-2.0%	37.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.8%	1.1%	7.5%	6.2%	6.2%	-6.9%	31.4%
VN FinSelect	0.7%	2.6%	6.4%	1.6%	1.6%	-9.4%	32.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.7%	2.6%	7.5%	2.3%	2.3%	-4.0%	33.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.7%	0.9%	6.3%	4.1%	4.1%	-9.8%	28.0%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.7%	2.6%	10.4%	12.4%	12.4%	13.2%	35.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.7%	2.6%	6.7%	2.1%	2.1%	-9.2%	34.8%
FTSE Việt Nam	0.6%	0.6%	5.5%	3.6%	3.6%	-7.5%	28.1%
Cổ phiếu ngành Dược	0.6%	0.8%	0.6%	7.5%	7.5%	-1.5%	23.7%
Dầu khí	0.6%	4.3%	13.2%	2.5%	2.5%	-21.6%	43.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	0.4%	5.9%	2.5%	2.5%	4.7%	23.4%
Stay-at-home	0.6%	2.1%	7.9%	3.7%	3.7%	8.4%	37.8%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	1.6%	3.4%	9.2%	3.1%	3.1%	-16.5%	37.4%
L22	1.6%	1.7%	9.2%	4.1%	4.1%	-11.7%	31.2%
L32	1.2%	2.1%	9.4%	4.7%	4.7%	-15.5%	34.3%
M31	1.2%	2.8%	9.8%	5.9%	5.9%	-8.0%	34.2%
S21	1.2%	2.4%	10.6%	6.5%	6.5%	-8.0%	31.0%
L11	1.1%	1.5%	8.1%	4.2%	4.2%	-7.5%	27.6%
M22	1.0%	2.0%	8.5%	5.1%	5.1%	-0.4%	29.0%
M12	1.0%	1.7%	8.5%	3.7%	3.7%	-7.5%	28.5%
S11	0.7%	1.8%	8.9%	6.9%	6.9%	6.1%	29.0%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.0%	2.5%	8.0%	3.4%	3.4%	-10.3%	31.7%
MID1	0.9%	1.8%	8.4%	7.2%	7.2%	3.5%	28.7%
LOW1	0.9%	1.8%	8.4%	2.8%	2.8%	-7.8%	28.9%
INDEX							
VNINDEX	1.0%	1.6%	7.1%	3.6%	3.6%	-11.0%	27.4%
VN30INDEX	0.8%	1.7%	7.3%	3.2%	3.2%	-9.6%	28.7%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	12	13	18	7	19	6
Mục tiêu	9	7	2	8	1	9	0
Rủi ro	3	1	2	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvu@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	42.56	-0.26%	1.50%	5.00%	-18.93%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.28	-0.33%	0.40%	5.00%	-20.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.97	-0.33%	0.90%	1.10%	-22.34%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1937.34	1.12%	-6.10%	7.10%	25.57%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	25.88	1.46%	-10.50%	34.70%	42.22%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	888.50	0.62%	1.20%	1.30%	-5.00%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	500.50	0.10%	-1.50%	-6.10%	-2.63%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.69	0.82%	-0.60%	-14.70%	14.94%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	162.53	1.54%	0.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.84	0.78%	2.40%	10.90%	-3.02%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	114.25	0.57%	-7.40%	12.80%	1.15%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6432.50	0.73%	-1.00%	-2.10%	11.58%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	546.00	-0.17%	-1.50%	2.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1787.00	0.06%	1.10%	5.70%	0.68%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.38	0.21%	0.40%	11.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	51.95	-1.61%	-5.50%	-10.30%	-30.13%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 93 US cent tương đương 2,1% lên 45,43 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 1,06 USD tương đương 2,6% lên 42,67 USD/thùng.
- Tồn trữ dầu thô, xăng và sản phẩm chưng cất của Mỹ trong tuần trước giảm, khi các nhà máy lọc dầu tăng cường sản xuất và nhu cầu được cải thiện. Nhu cầu nhiên liệu của Mỹ trong tuần trước tăng lên 19,37 triệu thùng/ngày (bpd), mức cao nhất kể từ tháng 3/2020, Cơ quan Thông tin Năng lượng (EIA) cho biết. Tồn trữ dầu thô giảm 4,5 triệu thùng, so với dự kiến giảm 2,9 triệu thùng của các nhà phân tích. Sản lượng dầu thô giảm xuống 10,7 triệu thùng/ngày từ mức 11 triệu thùng/ngày trong tuần. Việc EIA điều chỉnh giảm dự báo sản lượng dầu quan trọng của Mỹ trong năm nay cũng hỗ trợ giá. Sản lượng dầu thô của Mỹ dự báo sẽ giảm 990.000 bpd trong năm nay xuống 11,26 triệu bpd, cao hơn mức giảm 600.000 bpd dự báo tháng trước đó.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1,4% lên 1.937,42 USD/ounce, sau khi giảm mạnh 2,5% trong đầu phiên giao dịch. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0,1% lên 1.949 USD/ounce.
- Mối lo ngại về nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại dịch, khi nền kinh tế Anh giảm mức kỷ lục 20,4% trong quý 2/2020, đã khiến vàng trở nên hấp dẫn hơn cùng với đồng USD suy yếu giảm 0,3%.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên giảm 3,9% xuống 808 CNY (116,27 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm, do tình trạng tắc nghẽn tại các cảng của nước này dự kiến sẽ được nới lỏng vào cuối tháng này
- Trên sàn Thượng Hải giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 giảm 0,6% xuống 3.805 CNY/tấn và giá thép cuộn cán nóng giảm 0,2% xuống 3.900 CNY/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) giảm 3,4 JPY tương đương 1,9% xuống 171 JPY (1,6 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 85 CNY xuống 12.315 CNY (1.773 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Osaka giảm phiên thứ 2 liên tiếp, do lo ngại về căng thẳng giữa nước mua hàng đầu thế giới – Trung Quốc - và Mỹ gia tăng gây áp lực thị trường, kéo giá cao su tại Thượng Hải giảm.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 trên sàn ICE tăng 0,1 US cent tương đương 0,8% lên 12,84 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 10 trên sàn London tăng 3,3 USD tương đương 0,9% lên 375,2 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 0,65 US cent tương đương 0,6% lên 1,1425 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn London tăng 5 USD tương đương 0,4% lên 1.342 USD/tấn.

	13/8	% 13/8	12/8	% 12/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	855.05	0.96%	846.92	0.46%	1.79%	-1.50%
S&P 500			3380.35	1.40%	1.58%	7.14%
HĐTL S&P500	3367.50	-0.07%	3370.00	1.20%	0.70%	5.78%
Shang- hai	3320.73	0.04%	3319.27	-0.63%	-1.94%	-2.75%
Euro Stoxx	3353.56	-0.29%	3363.18	0.93%	3.49%	0.97%

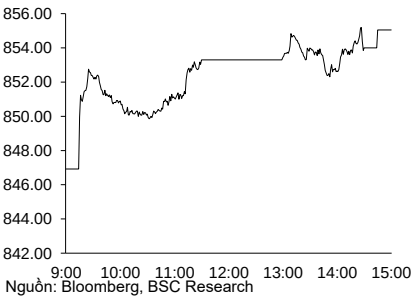
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-1.12%
Dầu khí	-0.01%
Bất động sản	0.42%
Công nghệ Thông tin	0.46%
Thực phẩm và đồ uống	0.57%
Tài nguyên Cơ bản	0.57%
Ngân hàng	0.58%
Hóa chất	0.60%
Ô tô và phụ tùng	0.77%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.84%
Dịch vụ tài chính	0.91%
Y tế	1.02%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.18%
Du lịch và Giải trí	1.24%
Xây dựng và Vật liệu	1.47%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.56%
Bảo hiểm	1.60%
Bán lẻ	2.29%
Viễn thông	9.67%

Hình 1

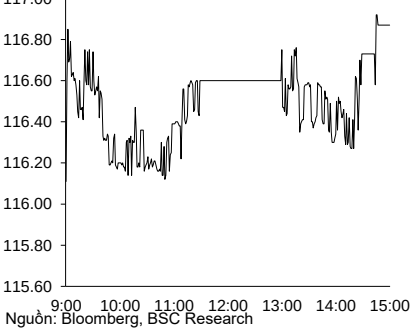
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

PLX_Đà tăng ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Đi ngang trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: PLX đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn sau khi có sự điều chỉnh giảm vào cuối tháng 07. Thanh khoản cổ phiếu có chiều hướng giảm trong những phiên gần đây. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo MACD nằm trên đường tín hiệu, đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn còn cách khá xa vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của PLX nằm ở khu vực 45-45.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 48.3, cắt lỗ nếu ngưỡng 44.6 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	72.6	1	1.97%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	25.4	30	24.5	25.5	2	0.39%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.3	3	-2.48%	Có thể tiếp tục mua
8/7/2020	C32	24.15	26	22.9	24.5	6	1.45%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	8.52	7	2.90%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	25	9	8.46%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	78.7	10	12.27%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	31.2	14	0.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14.2	15	20.34%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.3	43	-3.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	33.98	36.03	28.32	32.2	48	-5.24%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.5	50	5.90%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.5	56	11.72%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.4	58	6.01%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	37.25	69	0.13%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
Chú thích: Thống kê 20 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

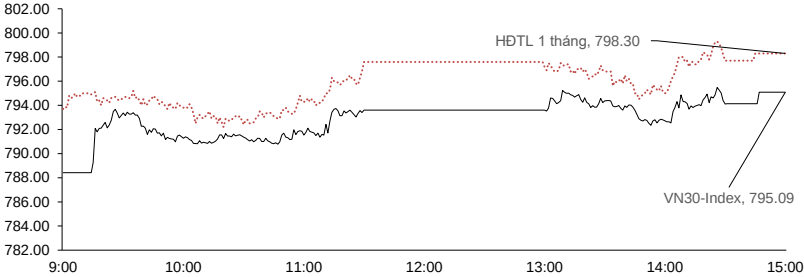
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	3	6.04%	-3.87%	4.06%	26
Cổ phiếu đã chốt	12	22	11.93%	-8.34%	-1.18%	13

BSC

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4

VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	798.30	0.92%	3.21	-17.1%	144,356	8/20/2020	7
VN30F2009	793.30	0.69%	-1.79	-22.6%	872	9/17/2020	35
VN30F2012	784.60	0.56%	-10.49	2.3%	44	12/17/2020	126
VN30F2103	786.90	0.91%	-8.19	-12.0%	22	3/18/2021	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MWG	82.20	3.01	0.92
VNM	116.40	0.69	0.56
HPG	24.50	0.82	0.52
VCB	83.00	1.10	0.48
TCB	19.80	0.76	0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
EIB	16.7	-1.18	-0.27
NVL	64.1	-0.47	-0.13
SBT	14.1	0.00	0.00
VHM	79.4	0.00	0.00
TCH	20.6	0.24	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 6.67 điểm lên mức 795.09 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, VNM, VCB, TCB, VIC tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều. Xu hướng tăng của VN30 là khá rõ ràng, tuy nhiên chỉ số này có thể sẽ chịu áp lực điều chỉnh tại ngưỡng kháng cự 800 điểm trong những phiên tới.
- Tất cả các HDTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012 ra thì các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, đa số hợp đồng tăng, ngoại trừ VN30F2012 giảm nhẹ. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của các hợp đồng trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2008	10/29/2020	77	10:1	415,640	41.22%	1,300	650	20.37%	534	1.22	98,000	85,000	82,200
CMWG2009	10/23/2020	71	8:1	468,790	41.22%	1,600	930	19.23%	801	1.16	94,800	82,000	82,200
CREE2004	10/23/2020	71	3:1	302,560	28.84%	1,570	2,250	9.22%	2,065	1.09	34,210	29,500	35,300
CVRE2003	12/16/2020	125	2:1	562,390	45.53%	3,000	480	6.67%	216	2.23	43,999	37,999	26,850
CHDB2006	10/8/2020	56	2:1	206,890	41.33%	2,180	1,930	5.46%	1,631	1.18	29,060	24,700	27,100
CFPT2003	11/9/2020	88	1:1	47,780	33.15%	7,300	8,810	5.13%	2,473	3.56	57,300	50,000	47,950
CHPG2008	11/30/2020	109	1:1	79,280	38.58%	4,100	4,150	4.80%	974	4.26	32,100	28,000	24,500
CSTB2004	11/30/2020	109	1:1	280,530	43.29%	1,400	1,060	3.92%	1,024	1.04	12,400	11,000	10,850
CFPT2007	10/23/2020	71	5:1	177,300	33.15%	1,690	1,330	3.10%	1,150	1.16	51,950	43,500	47,950
CHPG2011	10/20/2020	68	2:1	353,140	38.58%	2,350	2,880	2.86%	707	4.07	29,900	25,200	24,500
CHPG2009	10/29/2020	77	2:1	59,050	38.58%	1,600	3,970	2.85%	1,498	2.65	25,700	22,500	24,500
CVNM2004	11/30/2020	109	1:1	31,680	33.66%	17,500	11,830	2.69%	8,558	1.38	133,973	116,473	116,400
CHPG2012	1/18/2021	158	1:1	37,350	38.58%	6,100	6,000	2.04%	1,883	3.19	32,600	26,500	24,500
CVHM2002	11/30/2020	109	1:1	107,230	38.71%	11,500	9,660	2.01%	8,430	1.15	88,500	77,000	79,400
CHPG2014	4/19/2021	249	1:1	54,750	38.58%	7,200	7,140	2.00%	2,630	2.72	33,700	26,500	24,500
CHPG2015	3/1/2021	200	1:1	62,320	38.58%	6,700	6,540	1.87%	2,245	2.91	33,200	26,500	24,500
CVRE2007	4/5/2021	235	5:1	336,740	45.53%	1,520	680	1.49%	417	1.63	40,933	33,333	26,850
CVPB2007	10/29/2020	77	2:1	407,900	46.67%	1,700	860	1.18%	814	1.06	25,900	22,500	21,750
CHPG2010	4/5/2021	235	4:1	345,290	38.58%	1,800	1,300	0.78%	227	5.72	40,300	33,100	24,500
CHPG2005	10/1/2020	49	1:1	53,130	38.58%	2,100	10,550	-2.59%	5,660	1.86	21,100	19,000	24,500
Tổng				4,336,610	39.07%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/8/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CMWG2005 và CMWG2007 tăng mạnh lần lượt là 29.21% và 20.72%. Giá trị giao dịch tăng 2.70%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.44% thị trường.
- CVPB2005, CTCB2004, CVPB2006, CVRE2005, và CVPB2008 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.2	3.0%	1.2	1,618	3.2	8,348	9.8	2.6	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	56.0	2.6%	1.3	548	1.4	4,629	12.1	2.7	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	47.0	3.3%	1.4	1,515	1.9	1,640	28.6	1.8	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	30.8	-1.3%	0.4	299	0.0	2,651	11.6	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	88.0	0.7%	0.8	12,941	1.8	2,255	39.0	3.7	13.9%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.9	1.7%	1.1	2,653	3.0	1,057	25.4	2.2	30.8%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.4	0.0%	1.3	11,356	7.0	6,784	11.7	3.8	20.2%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.5	0.1%	1.3	214	1.9	1,672	5.7	0.7	38.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.9	1.4%	1.3	388	2.4	1,718	8.6	0.9	49.0%	10.7%
VCI	Chứng khoán	22.4	0.4%	1.0	160	0.4	4,110	5.5	0.9	29.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.2	2.5%	1.7	241	2.6	1,608	11.3	1.3	51.0%	11.5%
FPT	Công nghệ	48.0	0.9%	0.8	1,634	3.6	4,280	11.2	2.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	47.5	1.1%	0.4	565	0.0	4,812	9.9	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.6	2.0%	1.4	6,041	3.0	5,138	14.1	2.7	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	46.6	0.2%	1.5	2,443	0.8	441	105.7	2.9	14.7%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.3	-0.8%	1.5	256	2.0	1,301	9.5	0.5	11.7%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.5	1.6%	0.8	876	0.6	898	7.2	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	96.8	0.2%	0.5	550	0.0	5,044	19.2	4.0	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.4	4.0%	0.4	244	3.5	1,586	9.0	0.7	10.8%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.7	3.8%	0.5	200	1.1	709	12.3	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	83.0	1.1%	1.1	13,384	1.4	4,915	16.9	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	39.7	1.1%	1.3	6,934	1.2	2,153	18.4	2.1	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	23.8	1.5%	1.2	3,845	5.3	2,995	7.9	1.1	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	21.8	0.2%	1.2	2,305	2.2	4,126	5.3	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.0	0.6%	1.0	1,777	2.0	3,497	4.8	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	25.5	0.4%	1.0	1,843	4.2	3,750	6.8	1.4	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	51.9	0.4%	0.9	185	0.3	5,760	9.0	1.7	82.4%	18.9%
NTP	Nhựa	29.1	0.3%	0.4	149	0.0	3,348	8.7	1.3	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	2.0%	0.3	645	0.0	356	42.1	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.5	0.8%	1.2	3,529	8.0	2,632	9.3	1.5	35.7%	18.1%
HSG	Thép	11.4	1.3%	1.6	220	2.9	1,767	6.5	0.8	10.2%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	116.4	0.7%	0.8	8,813	6.3	5,538	21.0	6.7	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	183.0	2.3%	0.8	5,102	0.6	6,328	28.9	6.4	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	54.4	0.4%	1.0	2,765	2.2	3,255	16.7	2.7	38.7%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.1	0.0%	0.8	358	2.4	561	25.0	1.1	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	55.0	1.3%	0.8	5,206	0.6	3,450	15.9	3.3	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	101.6	1.1%	1.1	2,314	1.9	3,465	29.3	3.6	17.9%	12.4%
HVN	Vận tải	25.0	4.0%	1.7	1,542	0.8	(3,853)	N/A	3.1	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	21.0	0.7%	0.9	271	0.7	1,377	15.2	1.0	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	10.9	0.0%	1.1	133	0.8	2,007	5.4	0.7	21.8%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.9	0.5%	1.1	411	0.3	8,219	7.4	2.9	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.6	-1.8%	0.8	421	0.6	1,362	15.9	1.5	10.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	3.0%	1.0	229	0.8	1,937	7.1	0.9	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	78.7	2.2%	1.1	261	1.9	8,467	9.3	0.7	46.9%	7.9%
CII	Xây dựng	17.7	-0.3%	0.3	183	0.6	1,615	10.9	0.8	36.3%	8.0%
REE	Điện	35.3	2.2%	-1.4	476	1.2	4,780	7.4	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	18.9	2.4%	-0.4	131	0.3	2,178	8.7	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	9.9	2.2%	0.6	1,012	1.6	925	10.7	0.8	11.3%	8.0%
NT2	Điện	22.0	1.6%	0.6	275	0.3	2,685	8.2	1.4	18.5%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.7	1.1%	0.9	280	1.3	1,242	11.0	0.7	21.0%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	29.8	-1.3%	0.9	1,341	0.1	2,332	12.8	2.1	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	83.00	1.10	0.95	385320
GAS	72.60	1.97	0.77	951630
SAB	183.00	2.29	0.75	72580.00
VIC	88.00	0.69	0.58	458680
BID	39.65	1.15	0.52	673490

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.11	1.96MLN	1.11MLN
DAT	-0.01	-0.08	3920	607060
NVL	0.00	-0.08	1.13MLN	373600
EIB	0.00	-0.07	248110.00	192700
VGC	0.00	-0.05	647350	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FIT	9.63	7.00	0.05	2.32MLN
PLP	7.49	7.00	0.00	143730
STG	16.05	7.00	0.03	14040
CDC	24.60	6.96	0.01	5120
TN1	63.20	6.94	0.02	1490

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	85.70	-6.95	-0.08	3920
L10	13.75	-6.78	0.00	10
VSI	19.30	-6.76	-0.01	14110.00
LM8	13.95	-6.69	0.00	8310
TCO	8.00	-6.65	0.00	40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

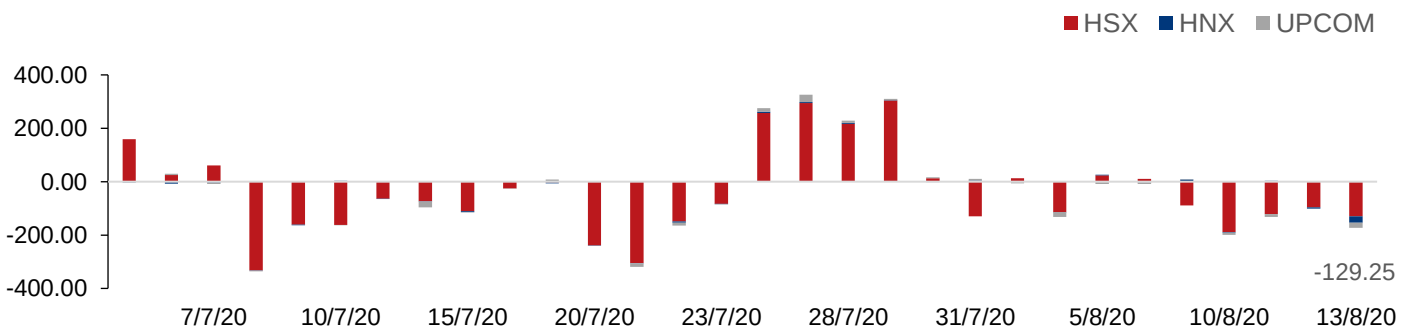
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCG	26.40	10.00	0.16	301500.00
ACB	25.50	0.39	0.16	3.80MLN
SHB	12.70	0.79	0.15	2.49MLN
L14	54.00	8.16	0.05	94800.00
VIF	17.90	4.68	0.03	2400

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	8.50	-1.16	-0.04	3.43MLN
PGS	13.00	-5.80	-0.03	69100
HUT	2.20	-4.35	-0.03	669200
PVS	12.30	-0.81	-0.03	3.79MLN
BCF	42.00	-6.25	-0.02	200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.80	14.3	0.00	63200
SPI	1.00	11.1	0.00	558100
KTS	9.90	10.0	0.00	2500
VCG	26.40	10.0	0.16	301500
API	10.10	9.8	0.01	9700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGT	4.50	-10.00	0.00	100
VTL	20.50	-9.69	0.00	100
PDC	4.80	-9.43	0.00	100
STP	6.80	-9.33	-0.01	1000
VHE	3.90	-9.30	0.00	11600

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.8	3,321	8.1	1.3	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	21.8	4,126	5.3	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.7	9,642	4.9	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.4	3,255	16.7	2.7	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	32.2	4,666	6.9	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.4	1,767	6.5	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.3	5,479	7.9	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	28.0	1,902	14.7	2.3	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.5	2,632	9.3	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	19.8	3,103	6.4	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	56.0	4,629	12.1	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	128.0	5,718	22.4	7.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.5	1,672	5.7	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	18.0	1,721	10.5	1.0	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	21.2	7,132	3.0	1.2	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	21.7	5,227	4.2	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	42.5	4,761	8.9	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.0	4,915	16.9	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.5	3,750	6.8	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	37.3	5,465	6.8	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	53.7	5,877	9.1	2.5	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	48.0	4,280	11.2	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	21.0	1,377	15.2	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.7	1,242	11.0	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	183.0	6,328	28.9	6.4	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.6	2,041	12.0	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	116.4	5,538	21.0	6.7	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.0	1,407	8.5	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	82.2	8,348	9.8	2.6	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	16.7	2,048	8.2	1.3	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	96.8	5,044	19.2	4.0	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	10.9	2,007	5.4	0.7	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	56.0	4,629	12.1	2.7	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	31.5	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	216.9	14,782	14.7	6.0	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/19	14.7	18.9	10.7	0	19.3	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/19	11.4	N/a	9.2	1,671	5.5	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/19	20.0	29.1	18.9	2,178	8.7	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/19	31.4	N/a	26.5	-218	#N/A N/A	2.8	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/19	37.0	N/a	32.5	2,986	10.9	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
2	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
6	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
7	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
9	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
10	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
11	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
14	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
15	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
21	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
22	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
24	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
27	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
31	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
33	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
35	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
37	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
39	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	x		Click

BSC



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express KBC 2020Q2	6/29/20	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn